

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 80/2025/HS-ST

Ngày 12/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Ngọc

Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kiều Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Cảnh, ông Trần Văn Mão và ông Mai Xuân Thường.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/2024/TLST-HS ngày 12/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/QĐXXST- HS ngày 14/4/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Kỳ L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/4/1981 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Kỳ T, sinh năm 1959 và bà Võ Thị H, sinh năm 1962; có vợ Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1979 và 02 con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2023 đến nay; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Văn V – Văn phòng L3, Công ty L4; địa chỉ: Số C, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- **Bị hại.**

1. Chị Thái Thị C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. Ông Đậu Đình H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: T tại Bản P, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Nhà A, đường A, khu đô thị N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị Khánh L1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

6. Anh Lê Trường S, sinh năm 1969. Địa chỉ: số nhà H, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

7. Anh Bùi Danh N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

8. Chị Dương Thị C1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: K, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Chị Hoàng T2, sinh năm 1993. Địa chỉ: B L, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Phương T3, sinh năm 1996. Địa chỉ: 6 L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1968 Địa chỉ: Xóm H H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Anh Mai Kim T4, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khối T, L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khối T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

7. Ông Nguyễn Kỳ T, sinh năm 1959. Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà C, ngõ A, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

9. Anh Trần Thế C2, sinh năm 1974. Địa chỉ: K, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Mậu Bảo Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

11. Ông Võ Đình H4, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khối Y, H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

12. Chị Lê Thị Quỳnh N2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số B, Ngách A - Ngõ B, Đường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

13. Chị Trần Thị Thanh L2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Nhà số A, ngõ E, đường N, khối T, Phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, từ năm 2020 đến năm 2023 Nguyễn Kỳ L đã thực hiện 08 (tám) hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của 08 (tám) người bị hại với tổng số tiền 1.283.250.000 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi triệu đồng*) bằng hình thức đưa ra thông tin mình công tác ở Sở giáo dục đào tạo tỉnh N, quen biết với một số Lãnh đạo tỉnh và một số sở ban ngành có khả năng xin được việc làm vào các cơ quan Nhà nước hoặc xin cho các học sinh vào trường Trung học phổ thông hoặc bản thân không đăng ký ngành nghề kinh doanh xuất khẩu lao động, không liên kết với các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động nhưng vẫn cam kết bản thân có khả năng đưa công dân đi xuất khẩu lao động để chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 3/2020, chị Thái Thị C (sinh năm 1989, trú tại: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) thông qua chị Đinh Thị Mỹ T5 (sinh năm 1982, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) giới thiệu gặp Nguyễn Kỳ L tại quán ăn số B, đường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. L giới thiệu với chị C là L đang làm tại phòng đào tạo trường T10 có nhiều mối quan hệ xã hội có thể xin cho chị C vào làm kế toán của bệnh viện T11, chi phí xin việc là 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng). Tin tưởng lời L nói nên ngày 29/3/2020, chị C đi cùng chồng và chị T5 đến nhà Nguyễn Kỳ L tại số A, ngõ A, đường H, phường Đ, Thành phố V. Tại đây, chị C đưa 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền mặt kèm 01 (một) bộ hồ sơ xin việc cho L. Sau khi nhận tiền, L viết giấy vay tiền rồi giao cho chị C. Đến ngày 15/4/2020, chị C cùng chồng đến nhà L đưa tiếp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), L nhận tiền tiếp tục viết giấy vay tiền giao cho chị C. L thống nhất với chị C khi nào chị C được tuyển dụng đi làm thì chị C đưa tiếp 80.000.000 đồng cho L. Sau khi nhận tiền của chị C thì L không thực hiện hoạt động gì để xin việc cho chị C mà đã sử dụng để trả

nợ và chi tiêu cho cá nhân, L không nhớ trả nợ cho ai và chi tiêu vào việc gì, đến nay L chưa trả lại cho chị C khoản tiền nào.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của chị Thái Thị C là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 10/2020 thông qua chị Trần Thị Thanh L2 (sinh năm 1979, trú tại nhà phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An) giới thiệu cho Nguyễn Kỳ L biết thông tin anh Đậu Đình H1 (sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) có nhu cầu cho con trai đi xuất khẩu lao động. Nguyễn Kỳ L, tại thời điểm đó là Giám đốc Công ty CP H10 (hiện Công ty đã ngừng hoạt động) nói chị L2 hẹn gặp anh H1 tại nhà chị L2. Sau đó chị L2 đã liên hệ với anh H1 và L đến nhà chị L2 gặp nhau. Tại đây, anh H1 nói chuyện với L là có nguyện vọng cho con trai là Đậu Đình Đ1 (sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An) đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Lúc đó, L giới thiệu với anh H1 là L đang làm Giám đốc Công ty cổ phần H10 và cung ứng nhân lực miền T, cam kết sẽ đưa Đậu Đình Đ1 con trai của anh H1 được xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chi phí anh H1 phải chi trả là 12.000 USD (Mười hai nghìn đô la Mỹ) tương đương 279.240.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng tiền Việt Nam), trong đó gồm 5.000 USD là chi phí đóng tiền cọc chống trốn, 7.000 USD là chi phí công chứng tài liệu, lệ phí xin VISA, vé máy bay). Anh H1 đồng ý và trả lời L sẽ về chuẩn bị tiền, L lấy thông tin cá nhân của Đ1 để soạn thảo giấy tờ liên quan trước. Ngày 23/10/2020 anh H1 liên hệ hẹn L đến nhà chị L2 giao nhận tiền. Khi L đến nhà chị L2 thì gặp anh H1 và cháu Đ1 đang ở nhà chị L2. Tại đây, L đưa cho anh H1 01 (một) bản cam kết, 01 (một) Hợp đồng tư vấn xuất khẩu lao động có chữ ký của L và hình dấu Công ty CP H10 và cung ứng nhân lực Miền Trung do L đã soạn thảo, ký tên, từ trước. Ngay lúc đó anh H1 đưa cho L 116.500.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) để làm thủ tục cho Đậu Đình Đ1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. L nhận tiền và viết 01 (một) phiếu thu giao cho anh H1. L và anh H1 thống nhất khoản tiền còn lại sẽ giao lúc Đ1 có đầy đủ thủ tục để được xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc. Sau khi nhận tiền của anh H1 thì L không thực hiện hoạt động gì cho Đ1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc mà đã sử dụng số tiền đó vào mục đích trả nợ và chi phí cá nhân, L không nhớ trả nợ cho ai và chi tiêu vào việc gì, đến nay L chưa trả lại cho chị C khoản tiền nào. Một thời gian sau, anh H1 thấy Đ1 không được đi xuất khẩu lao động theo như L đã cam kết nên hỏi và thúc dục L thì L đã đưa ra nhiều lý do khác nhau như do dịch bệnh Covid..... nên chưa làm xong thủ tục xuất khẩu lao động cho Đ1. Đến khoảng giữa năm 2023 anh H1 yêu cầu L trả lại tiền. Lúc đó L lừa anh H1 là muốn nhận lại tiền thì phải làm thủ tục thanh lý hợp đồng để gửi cho văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh H1

đã tin tưởng và làm thủ tục xin thanh lý hợp đồng gửi đến địa chỉ mà anh L hướng dẫn. L lừa địa chỉ đó là của Công ty T12 làm thủ tục thanh lý hợp đồng, nhưng thực tế địa chỉ đó là nhà ở của Nguyễn Thị Phương T3 (em gái của L). Sau khi T3 nhận tài liệu do anh H1 gửi đến thì đã giao lại cho L và L đã vớt các tài liệu đó đi. Sau đó L lừa anh H1 là chờ khi nào làm thủ tục thanh lý hợp đồng với các cơ quan liên quan thì sẽ lấy tiền về trả cho anh H1.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của anh Đậu Đình H1 là 116.500.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) .

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 8/2022, anh Nguyễn Phúc Q (sinh năm 1974, trú tại Bản P, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An) thông qua mối quan hệ ngoài xã hội giới thiệu Nguyễn Kỳ L có khả năng xin được việc cho người khác nên anh Q đã chủ động liên lạc bằng điện thoại di động trao đổi với L nội dung nguyện vọng muốn chuyển trường cho vợ là Trần Thị H5 (sinh năm 1983, trú tại xã N, huyện T, Nghệ An) hiện đang công tác tại Trường P1 chuyên công tác về giảng dạy tại trường trên địa bàn thành phố V. Lúc đó, L nói với anh Q là L có các mối quan hệ chắc chắn xin chuyển trường được cho chị H5, chi phí chuyển trường cho chị H5 thì anh Q và chị H5 phải chịu chi trả là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Anh Q đồng ý và nhờ em gái chị H5 là Trần Thị D chuyển tiền vào tài khoản cho L, gồm 3 lần cụ thể: Ngày 11/8/2022, chuyển 80.000.000 đồng từ tài khoản số 1000001060003784 của Trần Thị D mở tại Ngân hàng B vào tài khoản số 51010000135741 của L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2; Ngày 13/8/2022, chuyển 20.000.000 đồng từ tài khoản số 1000001060003784 của Trần Thị D mở tại Ngân hàng B vào tài khoản số 51010000135741 của L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2; Ngày 15/8/2022, chuyển 10.000.000 đồng từ tài khoản số 1000001060003784 của Trần Thị D mở tại Ngân hàng B vào tài khoản số 51010000135741 của L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2. Sau đó, L điện thoại yêu cầu anh Q đưa hồ sơ của chị H5 và đưa thêm tiền để lo việc chuyển trường cho chị H5. Ngày 26/8/2022, anh Q và chị H5 gặp L tại quán cà phê số F, đường N, TP V trực tiếp đưa 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền mặt cùng 01 (một) bộ hồ sơ của chị H5. L nhận tiền và viết giấy biên nhận nội dung nhận hồ sơ và tiền của chị H5, anh Q để lo việc chuyển trường cho chị H5. Sau khi nhận hồ sơ và tiền của chị H5 và anh Q thì L không thực hiện hoạt động gì để chuyển trường cho chị H5, không giao hồ sơ của chị H5 cho cá nhân hay tổ chức nào mà vớt đi. L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền của anh Q và chị H5 đã chuyển cho L. Đối với khoản 80.000.000 đồng nhận ngày 11/8/2022, L đã trả nợ 6.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1980, trú tại khối T, phường V, TP V, Nghệ An). Đối với khoản 10.000.000 đồng nhận 15/8/2022, L đã trả nợ 10.000.000 đồng cho anh Trần Thế C2 (sinh năm 1974, trú tại khối A,

phường Q, TP V, tỉnh Nghệ An). Các khoản tiền khác L đã chi trả nợ, mua đồ qua mạng điện tử hết, không xác định được tài khoản đối ứng nên không xác định được khoản chi cụ thể như thế nào. Đối với khoản nhận tiền mặt 20.000.000 đồng, L đã chi tiêu cá nhân, nay không nhớ tiêu vào việc gì.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của anh Nguyễn Phúc Q là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng tháng 8/2022, Trần Thị Q1 (sinh năm 1992, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An) là em ruột chị Trần Thị H5 (sinh năm 1983, trú tại xã N, huyện T, Nghệ An) nghe thông tin anh Q và chị H5 đang nhờ Nguyễn Kỳ L chuyển công tác cho chị Q1 nên đã xin số điện thoại và liên lạc nói với L về nhu cầu xin một công việc ổn định và làm giờ hành chính. Lúc đó, L nói với chị Q1 là xin vào phòng hành chính Bệnh viện T11, L sẽ giúp cho chị Q1 trúng tuyển với điều kiện Q1 phải trả chi phí số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và cần chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ xin việc. Ngày 24/8/2022, Q1 cùng chồng đến gặp L tại quán cà phê số F, đường N, TP V, Nghệ An. Tại đây, L nói chắc chắn sẽ xin được việc cho Q1. Lúc đó Q1 chuyển 150.000.000 đồng từ tài khoản số 100658778899 của chị Q1 mở tại ngân hàng V1 vào tài khoản của L số 51010000135741, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 và đưa 01 (một) bộ hồ sơ xin việc cho L. Lúc đó, L viết giấy cam kết có nội dung nhận tiền và hồ sơ để xin việc cho Q1, thời gian thực hiện đến tháng 11/2022. Khi đến thời hạn đã hứa nhưng Q1 chưa được nhận việc thì L lại hứa với Q1 là đến tháng 12/2022 chắc chắn sẽ được việc cho Q1. Đến tháng 01/2023, L biết được thông tin Bệnh viện thành phố V đang tổ chức tuyển dụng nên nói với chị Q1 là chuyển xin việc cho chị Q1 sang Bệnh viện thành phố V đồng thời yêu cầu chị Q1 đưa thêm tiền để lo việc. Ngày 12/01/2023, chị Q1 chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản số 100658778899 của chị Q1 mở tại ngân hàng V1 vào tài khoản của L số 51010000135741, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2. Ngày 13/01/2023, L hẹn Q1 đưa thêm tiền, Đơn xin ứng tuyển đến Bệnh viện thành phố V để L đưa cho Lãnh đạo bệnh viện thành phố xin việc cho Q1. Ngay lúc đó chị Q1 chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản số 100658778899 của chị Q1 mở tại ngân hàng V1 vào tài khoản của L số 51010000135741, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 và nhờ chồng là anh Nguyễn Cảnh P (sinh năm 1989, trú tại: Nhà số A, đường A, khu đô thị N, khối F, phường L, TP V, Nghệ An) đến Bệnh viện đa khoa thành phố V đưa hồ sơ cho L. Lúc đó L viết giấy xác nhận có nội dung nhận 250.000.000 đồng để lo việc cho Q1 vào biên chế chuyên viên chính sách tiền lương phòng tổ chức hành chính Bệnh viện thành phố V. Ngày 14/01/2023, L tiếp tục điện thoại nói Q1 chuyển thêm 15.000.000 đồng để lo việc cho chị Q1. Lúc đó, chị Q1 chuyển tiếp 15.000.000 đồng từ tài khoản số 100658778899 của chị

Q1 mở tại ngân hàng V1 vào tài khoản của L số 51010000135741, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2. Sau khi nhận tiền của Q1 thì L không thực hiện bất cứ hoạt động gì để xin việc cho Q1. L đã chi tiêu cho cá nhân hết số tiền đã nhận của Q1. Đối với khoản 150.000.000 đồng nhận ngày 24/8/2022, L trả nợ 5.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1980, trú tại khối T, phường V, TP V, Nghệ An), trả nợ 48.000.000 đồng cho anh Trần Thế C2 (sinh năm 1974, trú tại khối A, phường Q, TP V, tỉnh Nghệ An). Đối với khoản 50.000.000 đồng nhận ngày 12/01/2023, L trả nợ 12.000.000 đồng cho ông Nguyễn Kỳ T (sinh năm 1959, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Đối với khoản 50.000.000 đồng nhận ngày 13/01/2023, L trả nợ 8.000.000 đồng cho ông Mai Kim T4 (sinh năm 1963, trú tại khối T, phường L, TP V, tỉnh Nghệ An), trả nợ 5.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1980, trú tại khối T, phường V, TP V, Nghệ An). Đối với khoản 15.000.000 đồng nhận ngày 14/01/2023, L trả nợ 10.000.000 đồng cho ông Võ Đình H4 (sinh năm 1960, trú tại khối Y, phường H, TP V, tỉnh Nghệ An). Số tiền còn lại do tài khoản L phát sinh số dư mới nên không xác định được đã chi tiêu cụ thể như thế nào.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của chị Trần Thị Q1 là 265.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Vụ thứ năm: Vào khoảng tháng 11/2022, chị Lê Thị Khánh L1 (sinh năm 2000, nơi đăng ký thường trú khối Nam B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An), đã tốt nghiệp đại học S2, chưa xin được việc làm, khi nghe người quen giới thiệu Nguyễn Kỳ L có thể xin việc cho người khác, chị L gọi điện thoại gặp Nguyễn Kỳ L và trao đổi về việc nhờ xin cho chị L được biên chế làm giáo viên chính thức tại địa bàn thành phố V. Lúc đó, Nguyễn Kỳ L nhận lời xin biên chế cho chị L và yêu cầu chị L chuẩn bị số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) để lo xin biên chế. Đến ngày 09/11/2022, chị L gặp Nguyễn Kỳ L tại quán cà phê, số F, đường N, TP V, Nghệ An, tại đây Nguyễn Kỳ L tự giới thiệu là đang làm cán bộ tại Sở G, tỉnh Nghệ An, có nhiều mối quan hệ có thể xin được biên chế cho chị L. Do tin tưởng vào lời giới thiệu của Nguyễn Kỳ L nên chị L giao cho Nguyễn Kỳ L 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mặt cùng với hồ sơ xin thi tuyển biên chế. Khoảng 07 ngày sau, Nguyễn Kỳ L có hẹn chị L cùng nhau đi lên Ủy ban nhân dân thành phố V nộp hồ sơ thi tuyển biên chế, nhưng khi đến nơi thì Nguyễn Kỳ L nói chị L ở bên ngoài trụ sở còn Nguyễn Kỳ L đi vào trong khuôn viên Ủy ban nhân dân thành phố V, một lúc sau Nguyễn Kỳ L điện thoại nói chị L về trước đi để Nguyễn Kỳ L lo việc cho. Tuy nhiên, Nguyễn Kỳ L không gặp gỡ người nào để lo việc cho chị L mà chờ cho chị L đi về thì Nguyễn Kỳ L mới đi ra khỏi khuôn viên Ủy ban nhân dân thành phố V. Việc Nguyễn Kỳ L đi vào Ủy ban nhân dân thành phố V là nhằm mục đích lừa

chị L để chị L tin tưởng giao thêm tiền cho Nguyễn Kỳ L. Đến ngày 21/11/2022, Nguyễn Kỳ L gọi điện thoại cho chị L yêu cầu giao thêm tiền làm chi phí để hoàn tất thủ tục biên chế cho chị L. Sáng ngày 22/11/2022, chị L cùng ông Lê Xuân S1 (bố chị L) đến quán cà phê, số F, đường N, thành phố V, Nghệ An gặp Nguyễn Kỳ L. Tại đây ông S1 và chị L đưa cho Nguyễn Kỳ L 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Nguyễn Kỳ L nhận tiền và hẹn với chị L là ra tết, sang học kỳ 2 của năm học 2022-2023 sẽ có quyết định biên chế cho chị L. Trong thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023, Nguyễn Kỳ L yêu cầu chị L phải đóng tiền bảo hiểm xã hội tự nguyện, nói tiếp bảo hiểm xã hội trước đây tại Công ty cũ và đóng tiền bảo hiểm trong 05 tháng, tương đương với số tiền 7.450.000đ (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Do tin tưởng Nguyễn Kỳ L nên chị L đã chuyển tiền để đóng bảo hiểm gồm: Ngày 26/11/2022, chị L chuyển 2.500.000 đồng từ tài khoản số 0886790501 của chị L mở tại ngân hàng V1 sang tài khoản số 51010000135741 của Nguyễn Kỳ L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2; Ngày 27/11/2022, chị L chuyển 2.100.000 đồng từ tài khoản số 0886790501 của chị L mở tại ngân hàng V1 sang tài khoản số 51010000135741 của Nguyễn Kỳ L mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2; Ngày 07/02/2023, chị L chuyển 2.000.000 đồng từ tài khoản số 0886790501 của chị L mở tại ngân hàng V1 sang tài khoản số 19036990699017 của anh Hoàng T2 (là bạn trai của Nguyễn Thị Phương T3, em gái của Nguyễn Kỳ L nhưng Nguyễn Kỳ L lừa chị L là người này làm ở bên Bảo hiểm xã hội sẽ nộp hộ tiền bảo hiểm cho chị L) mở tại Ngân hàng T13. Tổng số tiền chị L đã chuyển về khoản đóng tiền bảo hiểm là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền của chị L thì Nguyễn Kỳ L không thực hiện bất cứ hoạt động gì để xin biên chế cho chị L và không đóng tiền bảo hiểm xã hội của chị L vào bất cứ cơ quan nào mà đã sử dụng toàn bộ số tiền đó cho cá nhân của mình. Đối với số tiền mặt đã nhận L không nhớ chính xác đã sử dụng như thế nào, đối với số tiền nhận từ chuyển khoản do số tiền nhỏ mà tài khoản L đang có số dư nên không xác định được chính xác số tiền đó đã sử dụng như thế nào.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của chị Lê Thị Khánh L1 là 256.600.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vụ thứ 6: Ngày 16/07/2023, Nguyễn Kỳ L gặp anh Lê Trường S (sinh năm 1969, nơi đăng ký thường trú: khối V, phường Đ, TP V, tỉnh Nghệ An) ở cổng Sở giáo dục và đào tạo. Quá trình gặp mặt và nói chuyện, anh S nói con trai vừa tham gia kỳ thi Trung học phổ thông (viết tắt THPT), nguyện vọng 1 và 2 là trường THPT H11, cháu trai có nguyện vọng vào học tại THPT T. L nói với anh S là L làm việc ở Sở giáo dục và có thể giúp được với điều kiện anh S chịu chi phí khoảng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Anh S tin tưởng L nên nhờ

L xin cho con anh S là Lê Bá N3 (sinh năm 2008, trú tại khối V, phường Đ, TP V) vào học trường THPT Hà Huy T6 và xin cho cháu của anh S là Võ Trọng Huy H6 (sinh năm 2008, trú tại khối V, phường Đ, TP V) vào học tại THPT T14. Ngay lúc đó, anh S chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản số 1010228899 của anh S ở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N4 vào tài khoản số 51010000135741 của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2. Đến ngày 17/7/2023, anh S chuyển 10.000.000 đồng từ tài khoản số 1010228899 của anh S ở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N4 vào tài khoản số 51010000135741 của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2. Ngày 18/7/2023, anh S gặp và đưa cho L 9.000.000 đồng tiền mặt tại khu vực trước cổng trụ sở Sở G. Ngày 21/7/2023, L yêu cầu anh S chuyển tiền với lý do là chuyển tiền nhập học cho con và cháu anh S, L hướng dẫn anh S chuyển tiền vào số tài khoản của Nguyễn Thị Phương T3 là em gái của L nhưng L lừa anh S đó là số tài khoản của cô kế toán. Anh S đã chuyển số tiền 8.900.000 đồng từ tài khoản số 110228899 của anh S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V2 vào tài khoản số 19036033972011 của T3 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K, sau đó T3 đã chuyển lại số tiền đó cho L. Ngày 25/7/2023, L nói anh S chuyển 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho L để lo việc cho con và cháu anh S qua tài khoản của anh Trần Trung T7. Anh S liền chuyển 15.000.000 đồng từ tài khoản số 110228899 của anh S mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V2 đến tài khoản số 0201000739787 của anh Nguyễn Trung T8 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần N4. Sau đó L nhờ anh T8 chuyển khoản tiền đó trả nợ cho Nguyễn Mậu Bảo Đ (sinh năm 1993, trú tại: Tổ dân phố D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi nhận tiền của anh S xong thì L không thực hiện hoạt động gì để xin nhập học cho cháu N3 và cháu H6 mà đã sử dụng hết khoản tiền đó cho cá nhân L, trong đó khoản tiền 40.000.000 đồng nhận ngày 16/7/2023, L đã trả 10.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N1 (sinh năm 1962, trú tại khối A, phường L, TP V, tỉnh Nghệ An); Khoản tiền 10.000.000 đồng nhận ngày 17/7/2023, L đã trả 10.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc H2 (sinh năm 1968, trú tại xóm H, xã H, TP V, Nghệ An); Khoản tiền 15.000.000 đồng nhận ngày 25/7/2023, L đã trả nợ 15.000.000 đồng cho Nguyễn Mậu Bảo Đ (sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Các khoản tiền khác một số do tài khoản của L có số dư mới nên không xác định được chính xác các khoản chi; một số khoản L đã chi trả nợ, mua đồ qua mạng điện tử hết, không xác định được số tài khoản đối ứng nên không xác định được các khoản chi cụ thể.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của anh Lê Trường S là 82.900.000 đồng (T9 mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) – Bút lục 149, 198a, 198b; 626-628, 838-877.

Vụ thứ 7: Khoảng 7/2023, thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, anh Bùi Danh N (sinh năm 1980, trú tại khối Y, phường H, TP V, tỉnh Nghệ An) nghe nói Nguyễn Kỳ L có thể xin cho học sinh vào học tại các trường cấp 3 hệ công lập nên đã xin số điện thoại liên lạc hẹn gặp L. Ngày 22/7/2023, anh N gặp L là tại quán cà phê số F, đường N, TP V. Tại đây, anh N trao đổi với L về việc có cháu ruột là Bùi Nguyệt H7 (sinh năm 2008, trú tại xóm T, xã H, TP V) thi tuyển vào cấp ba với nguyện vọng 1 là trường THPT T14 nhưng kết quả căn cứ điểm thi của H7 thì không được trúng tuyển vào trường THPT T14. Lúc này, L nói rằng L có khả năng xin cho cháu H7 vào học tại trường THPT H11 với số tiền là 45.000.000 đồng. Anh N liền sử dụng tài khoản số 51010000092688, của anh N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 chuyển 45.000.000 đồng đến số tài khoản 19036522822014, của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K. Đến ngày 23/7/2023, L yêu cầu anh N chuyển 4.450.000 đồng lý do là tiền nhập học cho H7, anh N liền sử dụng tài khoản số 51010000092688 của anh N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 chuyển 4.450.000 đồng đến tài khoản số 19036522822014, của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K. Đến ngày 31/7/2023, L yêu cầu anh N chuyển 2.800.000 đồng lý do là tiền nhập học lên trường THPT trên Nghĩa Đàn cho H7 rồi sau đó mới chuyển về trường THPT H11. Lúc này anh N tiếp tục sử dụng tài khoản số 51010000092688, của anh N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 chuyển 2.800.000 đồng đến số tài khoản 19036522822014, của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K. Sau khi nhận tiền của anh N thì L không thực hiện hoạt động gì để xin nhập học cho H7 mà đã sử dụng toàn bộ số tiền đó chi tiêu cho cá nhân. Đối với khoản tiền 45.000.000 đồng L đã chuyển sang tài khoản của vợ là Nguyễn Thị Ngọc T1 rồi lấy tiền mặt của chị T1 để chi tiêu, không nhớ tiêu vào việc gì. Đối với số tiền còn lại, do số tiền nhỏ, tài khoản của L lúc đó còn có số dư và phát sinh số dư mới nên không xác định được chính xác số tiền đó đã sử dụng như thế nào.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của anh Bùi Danh N là 52.250.000 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ 8: Khoảng tháng 7/2023, chị Dương Thị C1 (sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố F, phường H, TP H, tỉnh Hà Tĩnh) nói chuyện với chị Lê Thị Quỳnh N2 (sinh năm 1976, trú tại phường T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh) về vấn đề chị C1 là giáo viên hợp đồng tại trường tiểu học N5 từ năm 2014 cho đến nay vẫn chưa được biên chế chính thức nên có nguyện vọng muốn được tuyển biên chế. Chị N2 nói với chị C1 là có nghe nói L có khả năng giúp người khác được tuyển biên chế. Chị C1 nhờ chị N2 liên lạc hẹn gặp L. Ngày 15/7/2023, chị N2 cùng chị C1 gặp L tại TP H. Tại đây, L nói với chị C1 là L có thể xin biên chế cho chị C1, chi phí chị C1 phải chi là 180.000.000 đồng. Ngày 22/7/2023, chị C1 cùng chồng là

Trương Quang H8 và chị N2 đi từ TP H đến tại quán cà phê số F, đường N, TP V, tỉnh Nghệ An gặp L. Tại đây, L tiếp tục giới thiệu là L làm bên mảng dự án nước sạch môi trường của Sở G, liên quan đến lĩnh vực công tác giáo dục đồng thời có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều người có thể xin được cho chị C1 làm giáo viên thuộc diện biên chế nhà nước. L đưa chị C1, anh H8 và chị N2 đến xem nhà L tại số G, đường H, khối Y, phường Đ, TP V để cho chị N2 tin tưởng. Sau đó L cùng chị C1, anh H8 và chị N2 quay lại quán cà phê số F, đường N, TP V. Do tin tưởng về việc biết nhà cửa L và lời giới thiệu của L về công việc, mối quan hệ cùng lời hứa hẹn của L nên chị C1 chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản số 1038132310, của chị C1 mở tại Ngân hàng V3 sang tài khoản số 19036522822014 của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K. Ngày 09/10/2023, L liên hệ và yêu cầu chị C1 chuyển thêm 10.000.000 đồng để lo việc biên chế cho chị C1. Chị C1 liền sử dụng tài khoản số 3701215016669 của chị C1 mở tại Ngân hàng N6, chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản số 101005896060 của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C3. Ngày 24/10/2023, L liên hệ và yêu cầu chị C1 tiếp tục chuyển số tiền 20.000.000 đồng là tiền chuyển để lo việc biên chế cho chị C1. Chị C1 liền sử dụng tài khoản số 3701215016669 của chị C1 mở tại Ngân hàng N6, chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản số 101005896060 của L mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C3. Sau khi nhận tiền của chị C1 thì L không thực hiện hoạt động gì để lo việc tuyển biên chế giáo viên cho chị C1 mà đã sử dụng toàn bộ số tiền đó chi tiêu cho cá nhân L. Trong đó, khoản tiền 50.000.000 đồng nhận ngày 22/7/2023, L đã chuyển khoản 50.000.000 đồng cho vợ là Nguyễn Thị Ngọc T1 rồi lấy tiền mặt từ chị T1 để chi tiêu cá nhân hết, L không nhớ từng khoản chi cụ thể. Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng nhận ngày 09/10/2023 và 20.000.000 đồng nhận ngày 24/10/2023 thì L đã chuyển trả nợ 22.200.000 đồng cho Nguyễn Mậu Bảo Đ (sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố D, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Các khoản tiền khác L đã chi trả nợ, mua đồ qua mạng điện tử hết, không xác định được khoản chi cụ thể.

Tổng số tiền Nguyễn Kỳ L chiếm đoạt của chị Dương Thị C1 là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Ngày 01/12/2023, Nguyễn Kỳ L biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Nghệ An xin đầu thú. Tại cơ quan điều tra, L đã khai nhận đầy đủ về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Kết luận giám định số 400/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 29/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh N (Bút lục 200): Chữ ký mang Nguyễn Kỳ L tại các tài

liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký mang tên Nguyễn Kỳ L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

- Kết luận giám định số 04/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 03/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N (Bút lục 204): Chữ ký mang Nguyễn Kỳ L tại các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký mang tên Nguyễn Kỳ L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.

- Kết luận giám định số 80/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 29/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N (Bút lục 209): Chữ ký mang Nguyễn Kỳ L tại các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký mang tên Nguyễn Kỳ L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra;

- Kết luận giám định số 119/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 07/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N (Bút lục 213): Chữ ký, chữ viết giấy than trước mục Thủ trưởng đơn vị, chữ ký qua giấy than dưới mục người lập phiếu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, chữ ký mang tên Nguyễn Kỳ L dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, chữ ký mang tên Nguyễn Kỳ L dưới mục “Bên A: Đại diện công ty giám đốc” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Kỳ L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.

- Kết luận giám định số 120/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 05/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh N (Bút lục 217): Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Kỳ L dưới mục “Bên thuê” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Kỳ L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note20 màu đen, số Imei 1: 352682504162615, Imei 2: 359646204162652, gắn sim có số seri 8984048000011378548 và sim có số seri 89840200010883024515 thu giữ của bị cáo Nguyễn Kỳ L.

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu Nguyễn Kỳ L bồi thường tổng số tiền 1.238.250.000 đồng, trong đó: chị Thái Thị C 300.000.000 đồng; anh Đậu Đình H1 116.500.000 đồng; anh Nguyễn Phúc Q 130.000.000 đồng; chị Trần Thị Q1 265.000.000 đồng; chị Lê Thị Khánh L1 256.600.000 đồng; anh Lê Trường S 82.900.000 đồng; anh Bùi Danh N 52.250.000 đồng; chị Dương Thị C1 80.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-P2 ngày 03/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Kỳ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Kỳ L đã tác động người thân trong gia đình bồi thường các bị hại số tổng số tiền 943.750.000đ, cụ thể: bồi thường cho chị Thái Thị C 300.000.000 đồng; anh Đậu Đình H1 116.500.000 đồng; anh Nguyễn Phúc Q 130.000.000 đồng; chị Trần Thị Q1 265.000.000 đồng; anh Bùi Danh N 52.250.000 đồng; chị Dương Thị C1 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Các bị hại chị Thái Thị C, anh Đậu Đình H1, anh Nguyễn Phúc Q, chị Trần Thị Q1, anh Bùi Danh N đã được hoàn trả đủ tài sản bị chiếm đoạt, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có yêu cầu gì về phần dân sự; anh Lê Trường S vắng mặt, không có ý kiến gì thêm; người bị hại chị Lê Thị Khánh L1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 256.600.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Kỳ L từ 09 (chín) năm tù đến 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Kỳ L trả lại cho chị Lê Thị Khánh L1 số tiền 256.600.000 đồng và anh Lê Trường S số tiền 82.900.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note20 màu đen, số Imei 1: 352682504162615, Imei 2: 359646204162652, gắn sim có số seri 8984048000011378548 và sim có số seri 89840200010883024515.

Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Văn V bào chữa cho bị cáo tranh luận: Không tranh luận về tội danh. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tham gia công tác thiện nguyện được Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An xác nhận; có ông nội là ông Nguyễn Kỳ X là liệt sĩ, được Nhà nước tặng nhiều huân chương kháng chiến; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V4 tặng bằng khen và nhiều giấy khen khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội, làm ăn kiếm tiền trả cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo, bị hại, người có nghĩa vụ, liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Các hành vi và quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Chứng cứ buộc tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Kỳ L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2023, mặc dù bản thân Nguyễn Kỳ L không công tác ở Sở giáo dục đào tạo tỉnh N, không quen biết với các Lãnh đạo tỉnh và một số sở ban ngành, không có khả năng xin được việc làm vào các cơ quan Nhà nước hoặc xin cho các học sinh vào trường THPT, bản thân không đăng ký ngành nghề kinh doanh xuất khẩu lao động, không liên kết với các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động nhưng vẫn cam kết bản thân có khả năng xin vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước, xin vào học các trường THPT theo nguyện vọng, có khả năng đưa công dân đi xuất khẩu lao động để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 người bị hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh với tổng số tiền 1.283.250.000 đồng (*Một tỷ hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: Lừa đảo chiếm đoạt của chị Thái Thị C 300.000.000 đồng; của anh Đậu Đình H1 116.500.000 đồng; Lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Phúc Q 130.000.000 đồng; của chị Trần Thị Q1 265.000.000 đồng; của chị Lê Thị Khánh L1 256.600.000 đồng; của anh Lê Trường S 82.900.000 đồng; của anh Bùi Danh N 52.250.000 đồng; của chị Dương Thị C1 80.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố Nguyễn Kỳ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tham gia công tác thiện nguyện được Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An xác nhận; có ông nội là ông Nguyễn Kỳ X là liệt sĩ, được Nhà nước tặng nhiều huân chương kháng chiến; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T1 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V4 tặng bằng khen và nhiều giấy khen khác nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và hình phạt áp dụng: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rằng việc đưa ra các thông tin gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Trách nhiệm dân sự: Các bị hại chị Thái Thị C, anh Đậu Đình H1, anh Nguyễn Phúc Q, chị Trần Thị Q1, anh Bùi Danh N đã được hoàn trả đủ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về phần dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh Lê Trường S, tại phiên tòa vắng mặt, tuy nhiên anh S đã có lời khai tại cơ quan điều tra và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 82.900.000đ. Chị Lê Thị Khánh L1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 256.600.000đ. Do đó, cần căn cứ Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Kỳ L trả lại cho chị Lê Thị Khánh L1 số tiền 256.600.000đ và trả lại cho anh Lê Trường S số tiền 82.900.000đ.

[7] Xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note20 màu đen, số Imei 1: 352682504162615, Imei 2: 359646204162652, gắn

sim có số seri 8984048000011378548 và sim có số seri 89840200010883024515 thu giữ của bị cáo là phương tiện được bị cáo sử dụng để liên lạc với các bị hại, thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác:

[9.1] Trong vụ án này, đối với khoản tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), theo ông Lê Xuân S1 (bố chị Lê Thị Khánh L1) trình bày là đã giao cho một người phụ nữ không quen biết theo hướng dẫn của Nguyễn Kỳ L. Quá trình điều tra, không xác định được cụ thể người nhận tiền của ông S1 là ai, Nguyễn Kỳ L không thừa nhận việc có nhờ người phụ nữ nào nhận tiền từ ông S1 nên không có căn cứ xác định Nguyễn Kỳ L nhận khoản tiền này.

[9.2] Đối với xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại HILUXE mang biển kiểm soát: 37C-225.30 và xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại RAIZE mang biển kiểm soát: 37K-122.25. Anh Nguyễn Đức H9 đại diện Công ty TNHH T15 trình bày là cho Nguyễn Kỳ L thuê đến thời hạn nhưng không trả. Bị can Nguyễn Kỳ L khai nhận việc thuê 2 xe ô tô có đặc điểm trên của Công ty TNHH T15 sau đó để tại vỉa hè đường trước số A, đường L, phường N, TP H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, chưa xác định được các xe ô tô trên đang ở đâu, do người nào quản lý. Bị can Nguyễn Kỳ L đã có đơn trình báo gửi đến Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xác minh, điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N chuyển tài liệu liên quan đến Công an thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để phối hợp xác minh xử lý. Vì vậy, không xem xét xử lý trong vụ án này, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là có căn cứ và đúng quy định.

[9.3] Đối với Nguyễn Thị Ngọc T1, H, Nguyễn Thị Phương T3, Nguyễn Ngọc H2, Mai Kim T4, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Kỳ T, Nguyễn Văn N1, Trần Thế C2, Nguyễn Mậu Bảo Đ, Võ Đình H4 là những người nhận tiền do Nguyễn Kỳ L chuyển để trả nợ, đổi tiền mặt, nhờ chuyển khoản. Khi nhận tiền họ không biết đó là số tiền Nguyễn Kỳ L phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

[9.4] Đối với Lê Thị Quỳnh N2, Trần Thị Thanh L2, Đinh Thị Mỹ T5 là những người đã giới thiệu Nguyễn Kỳ L với các bị hại, tuy nhiên bản thân họ, người thì do tin tưởng L công tác tại Sở G, người thì tin tưởng L có công ty về xuất khẩu lao động như L giới thiệu nên đã giới thiệu lại với các bị hại, việc L lừa bị hại như thế nào họ không biết và cũng không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Kỳ L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/12/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Kỳ L.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Kỳ L trả lại cho bị hại Lê Thị Khánh L1 và Lê Trường S số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

2.1. Trả lại cho chị Lê Thị Khánh L1 số tiền 256.600.000 đồng.

2.2. Trả lại cho anh Lê Trường S số tiền 82.900.000 đồng.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note20 màu đen, số Imei 1: 352682504162615, Imei 2: 359646204162652, gắn sim có số seri 8984048000011378548 và sim có số seri 89840200010883024515 thu giữ của bị cáo Nguyễn Kỳ L.

(Chi tiết, đặc điểm của các vật chứng được phản ánh tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Kỳ L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 16.975.000đ (mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

6.1. Bị cáo, bị hại có mặt, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6.2. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS-Công an tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Ngọc